



tesa® 51928

Thông tin Sản phẩm

Băng keo có lớp nền film đen hai mặt dày 125µm

Product Description

tesa® 51928 là một băng kết dính hai mặt gồm lớp nền PET màu đen và chất kết dính acrylic tổng hợp tesa® 51928 có tính năng đặc biệt:

- Độ cân bằng tuyệt vời giữa độ chịu lực kéo tốt và độ bám dính tốt
- Bám dính hiệu quả ngay cả các bề mặt khó bám dính như các loại xốp khác nhau và chất liệu cao su và ở nhiệt độ cao.
- Độ dính ban đầu cao, bám dính ngay lập tức vào bề mặt cần kết dính

Đặc trưng

- Độ cân bằng tuyệt vời giữa độ chịu lực kéo tốt và độ bám dính tốt
- Bám dính hiệu quả ngay cả các bề mặt khó bám dính như các loại xốp khác nhau và chất liệu cao su và ở nhiệt độ cao.
- Độ dính ban đầu cao, bám dính ngay lập tức vào bề mặt cần kết dính

Ứng dụng

- Gắn các linh kiện của pin vào bộ phận pin trong các thiết bị điện tử
- Gắn các bộ phận bằng nhựa ABS trong ngành công nghiệp ô tô
- Gắn các khuôn định hình và các đường gờ trang trí trong ngành công nghiệp nội thất

Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

Cấu tạo sản phẩm

- | | | | |
|------------|------------------|-----------|--------|
| • Lớp nền | Film PET | • Độ dày | 125 µm |
| • Loại keo | acrylic cải tiến | • Màu sắc | đen |

Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- | | | | |
|-----------------------------|---------|---------------------------------|---------|
| • Độ giãn dài tối đứt | 50 % | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 23°C | tốt |
| • Lực kéo căng | 20 N/cm | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 40°C | tốt |
| • Chịu nhiệt trong dài hạn | 100 °C | • Khả năng chống lão hóa (UV) | rất tốt |
| • Chịu nhiệt trong ngắn hạn | 200 °C | • Khả năng chống ẩm | rất tốt |
| • Kháng chất làm mềm | tốt | • Độ dính ban đầu | rất tốt |
| • Kháng hóa chất | tốt | | |



tesa® 51928

Thông tin Sản phẩm

Độ kết dính trên

• ABS (ban đầu)	8.2 N/cm	• PET (sau 14 ngày)	8.7 N/cm
• ABS (sau 14 ngày)	9.7 N/cm	• PP (ban đầu)	4.8 N/cm
• nhôm (ban đầu)	8.1 N/cm	• PP (sau 14 ngày)	6.4 N/cm
• nhôm (sau 14 ngày)	11.1 N/cm	• PS (ban đầu)	8.8 N/cm
• PC (ban đầu)	10.3 N/cm	• PS (sau 14 ngày)	9.4 N/cm
• PC (sau 14 ngày)	11.5 N/cm	• PVC (ban đầu)	7.2 N/cm
• PE (ban đầu)	4.9 N/cm	• PVC (sau 14 ngày)	10.1 N/cm
• PE (sau 14 ngày)	5.4 N/cm	• thép (ban đầu)	9.6 N/cm
• PET (ban đầu)	7.4 N/cm	• thép (sau 14 ngày)	12 N/cm

Disclaimer

sản phẩm của tesa® được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=51928>